

Số: 30/NQ-HĐND

Trà Cú, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 497/UBND-KT ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 348/TTr-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán, bổ sung mục tiêu năm 2022, với tổng số tiền: **1.184.446.141 (Một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi một đồng)**. Cụ thể như sau:

- Bổ sung dự toán chi ngân sách cho ban, ngành huyện: 731.731.609 đồng.

(Đính kèm Phụ lục I)

- Bổ sung mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: 452.714.532 đồng.

(Đính kèm Phụ lục II)

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang năm 2022: 640.024.030 đồng.
- Nguồn bổ sung mục tiêu của tỉnh: 411.265.111 đồng.
- Nguồn thu phạt vi phạm hành chính: 133.157.000 đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Xã hội và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XII giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú khóa XII - Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- TT HU, UBND, UBMTTQ huyện;
- Sở Tài chính;
- TT, các Ban của HĐND huyện;
- ĐB HĐND huyện khóa XII;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Triệu

Phụ lục I

BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC BAN, NGÀNH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn kinh phí			Ghi chú
			Kinh phí chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 (nguồn CCTL)	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	Nguồn thu phạt vi phạm HC	
1	2	3	6	6	8	8
	TỔNG CỘNG	731.731.609	187.309.498	411.265.111	133.157.000	
I	BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022	731.731.609	187.309.498	411.265.111	133.157.000	
1	Phòng Nội vụ	181.703.000	181.703.000	-		
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP và Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ năm 2022	181.703.000	181.703.000			
2	Công an huyện	133.157.000	-	-	133.157.000	
-	Thực hiện công tác phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện	133.157.000			133.157.000	
3	Ban Dân vận	5.606.498	5.606.498	-	-	
-	Năng lương đối với cán bộ, công chức và chính sách lương do điều động cán bộ, công chức	5.606.498	5.606.498			
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	206.500.000	0	206.500.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ gia đình có người tử vong do dịch bệnh Covid-19 theo Công văn 273/UBND-KGVX ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh	206.500.000		206.500.000		
5	Trung tâm kỹ thuật dịch vụ Nông nghiệp	204.765.111	0	204.765.111	0	
-	Kinh phí cho Trung tâm kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp cấp huyện	204.765.111		204.765.111		

Phụ lục II
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Nôn và tỉnh : Hoàng

STT	Tên xã, thị trấn Nội dung	Trong đó										Định An	Hàm Tấn	Định An	TT Định An				
		Phước Hưng	Lưu Nghiệp Anh	Thanh Sơn	Ngọc Biên	An Quảng Hữu	Tập Sơn	Ngãi Xuyên	Long Hiệp	Tân Hiệp	Hàm Giang					Đại An	TT Trà Cú	Tân Sơn	Kim Sơn
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	3	15	16	17	
	TỔNG SỐ BỔ SUNG (HĐ)	21.403.200	12.195.000	102.056.900	12.284.400	86.322.500	29.407.182	12.195.000	43.657.000	12.195.000	13.744.600	20.404.900	6.294.600	6.294.600	53.430.750	6.309.500	9.118.800	9.118.800	5.400.600
I	CHI THUỶNG XUYẾN	21.403.200	12.195.000	102.056.900	12.284.400	86.322.500	29.407.182	12.195.000	43.657.000	12.195.000	13.744.600	20.404.900	6.294.600	6.294.600	53.430.750	6.309.500	9.118.800	9.118.800	5.400.600
1	Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	21.403.200	12.195.000	102.056.900	12.284.400	86.322.500	29.407.182	12.195.000	43.657.000	12.195.000	13.744.600	20.404.900	6.294.600	6.294.600	53.430.750	6.309.500	9.118.800	9.118.800	5.400.600
-	Kinh phí phụ cấp thâm niên quân sự theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh						3.176.382												
-	Hỗ sung tiền ăn cho lực lượng dân quân theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Trà Vinh	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000	4.149.000
-	Phụ cấp đặc thù quân sự theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020	8.046.000	8.046.000	2.145.600	8.135.400	8.046.000	8.671.800	8.046.000	8.046.000	8.046.000	2.145.600	8.046.000	2.145.600	2.145.600	5.699.250	2.160.500	9.118.800	9.118.800	1.251.600
-	Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND (nguồn nguồn CCTL)	9.208.200		95.762.300		74.127.500	13.410.000		43.657.000		7.450.000	8.209.900			43.582.500		9.118.800		

1/16